

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05 ngày 03 tháng 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, mã số chuyên ngành: 8310601.01

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho học viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức – Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng khoa Quốc tế học và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Hoàng Anh Tuấn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU

NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC

MÃ SỐ: 8310601.01

CHUYÊN NGÀNH: QUAN HỆ QUỐC TẾ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2893/QĐ-XHNV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Quan hệ quốc tế

+ Tên tiếng Anh: International Relations

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Quốc tế học

+ Tên tiếng Anh: International Studies

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8310601.01

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 02 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Quốc tế học

+ Tên tiếng Anh: Master of Arts in International Studies

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quan hệ quốc tế định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo những người nghiên cứu quan hệ quốc tế và hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực đối ngoại có trình độ cao, thành thạo các kỹ năng mềm và chuyên môn về đối ngoại, có khả năng tham gia nghiên cứu, giảng dạy và làm các công tác tham mưu về các vấn đề quốc tế tại những cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu; làm việc tại các cơ quan báo chí – truyền thông trong và ngoài nước, các cơ quan ngoại giao, các vụ hợp tác quốc tế thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể; các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các doanh nghiệp liên doanh và tư nhân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quan hệ quốc tế giúp phát triển năng lực để lĩnh hội các kiến thức hệ thống và nâng cao về lý thuyết quan hệ quốc tế, về những vấn đề cơ bản và xu hướng của quan hệ quốc tế, những vấn đề đường lối đối ngoại, quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện tại; Hướng dẫn có diễn giải các khung phân tích đối với các vấn đề quốc tế và đối ngoại và khả năng vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tiễn; Luận giải về những vấn đề toàn cầu và khu vực, về xu hướng phát triển của thế giới, và các lựa chọn chính sách đối ngoại.

- Kỹ năng

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quan hệ quốc tế giúp phát triển toàn diện các kỹ năng chuyên môn kết hợp với các kỹ năng mềm thông qua hướng dẫn thực hành nghiên cứu các vấn đề quốc tế và đối ngoại; Tổ chức các hoạt động nghiên cứu nhóm và thuyết trình, trao đổi về các vấn đề quốc tế và đối ngoại qua nhiều cách tiếp cận khác nhau.

- Mức tự chủ trách nhiệm

Chương trình đào tạo thạc sĩ Quan hệ quốc tế nâng cao mức tự chủ trách nhiệm của học viên thông qua tổ chức các hoạt động nghiên cứu độc lập về các chủ đề liên quan đến các vấn đề lý luận và thực tiễn trong quan hệ quốc tế, vận dụng trong công tác đối ngoại cấp trung ương và địa phương; Khuyến khích người học nêu quan điểm và tranh luận; Hướng dẫn quy định, yêu cầu tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghiên cứu.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).

3.2. Đối tượng dự tuyển

3.2.1. Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp và hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng kí dự tuyển.

- Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh yêu cầu có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế.

- Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận văn bằng theo quy định hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3.2.2. Yêu cầu về năng lực ngoại ngữ

- Có năng lực ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong các loại văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành Ngôn ngữ tiếng nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đáp ứng yêu cầu trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự thi thạc sĩ được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận.

- Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt.

3.2.3. Yêu cầu khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Có đủ sức khỏe để học tập;
- Đáp ứng các yêu cầu khác của ĐHQGHN.

3.3. Danh mục ngành phù hợp và học phần bổ sung kiến thức

3.3.1. Danh mục ngành phù hợp

- Ngành phù hợp 1:
 - + Ngành thuộc cùng nhóm ngành với ngành Quốc tế học;
 - + Ngành Quan hệ quốc tế.
- Ngành phù hợp 2:
 - + Ngành trong nhóm ngành: Báo chí và truyền thông, Xã hội học và Nhân học, Khác thuộc lĩnh vực Nhân văn, Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài;
 - + Ngành: Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Đức, Sư phạm Tiếng Nhật, Sư phạm Tiếng Hàn Quốc, Kinh tế, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Chính trị học, Quản lý công, Công tác xã hội, Tình báo quân sự, Chỉ huy tham mưu thông tin, Tình báo an ninh.
- Đối với các trường hợp ngành phù hợp khác, Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành lập hội đồng chuyên môn để đánh giá mức độ phù hợp của người dự tuyển với ngành của Chương trình đào tạo, và xác định các học phần bổ sung tương ứng (nếu cần), đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo và các quy định hiện hành; báo cáo ĐHQGHN trước khi tuyển sinh và chịu trách nhiệm về việc đánh giá chuyên môn này.

3.3.2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức với đối tượng ngành phù hợp 2

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
I	Học phần bắt buộc	9
1	Lịch sử Quan hệ quốc tế	3
2	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	3
3	Nhập môn Quan hệ quốc tế	3
II	Học phần tự chọn	3/6
4	Kinh tế quốc tế	3
5	Luật pháp quốc tế	3
Tổng cộng		12

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

- Theo chỉ tiêu được ĐHQGHN cấp hàng năm (dự kiến từ 40 học viên/ năm)
- Kế hoạch tuyển sinh chi tiết được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ĐHQGHN phê duyệt (nếu có).

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

- **PLO 1:** Vận dụng các cách tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu các vấn đề đối ngoại và quan hệ quốc tế.
- **PLO 2:** Phân tích các quan điểm lý thuyết và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và khả năng vận dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của đối ngoại và quan hệ quốc tế.
- **PLO 3:** Hệ thống hoá, phân tích và so sánh các quan điểm lý thuyết, các phương pháp nghiên cứu cơ bản và nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề đối ngoại và quan hệ quốc tế.
- **PLO04:** Đánh giá, bình luận và phản biện đối với các vấn đề, xu hướng lớn trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

- **PLO 5:** Thực hiện chuẩn xác các kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động nghiên cứu độc lập đáp ứng yêu cầu mới.
- **PLO 6:** Kết hợp các kỹ năng mềm và chuyên môn để giải quyết một cách khoa học các vấn đề có tính lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.
- **PLO 7:** Thành thạo các kỹ thuật nghiên cứu gồm phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra các nhận định có cơ sở khoa học.
- **PLO 8:** Thuần thục các kỹ năng truyền đạt tri thức (thuyết trình, trình bày vấn đề bằng văn bản), kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận diện và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.
- **PLO 9:** Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

- **PLO 10:** Chủ động trong các hoạt động nghiên cứu quan hệ quốc tế và đưa ra sáng kiến trong các hoạt động nghề nghiệp, hoặc hoạt động thực tiễn về đối ngoại.

- **PLO 11:** Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác thực hiện các nghiên cứu về các vấn đề trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.

- **PLO 12:** Tham gia diễn thuyết và tranh luận để đưa ra những kết luận có tính chuyên gia trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.

- **PLO 13:** Tham gia quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đối ngoại và quan hệ quốc tế.

- **PLO 14:** Luôn có ý thức tự nghiên cứu để nâng cao trình độ lý luận và năng lực giải quyết vấn đề.

- **PLO 15:** Luôn có ý thức giữ gìn phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghiên cứu.

4. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu, giảng dạy về các vấn đề quốc tế tại những cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu.

- Nghiên cứu và phân tích các vấn đề, sự kiện quốc tế tại các cơ quan báo chí – truyền thông trong và ngoài nước cũng như các công ty tư vấn có liên quan đến hoạt động đối ngoại của quan hệ quốc tế.

- Làm việc tại các cơ quan ngoại giao ở trung ương và địa phương, các vụ hợp tác quốc tế thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan an ninh - quốc phòng.

- Làm công tác đối ngoại trong các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các liên doanh và doanh nghiệp tư nhân.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, thạc sĩ Quan hệ quốc tế có khả năng tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế, Chính trị học hoặc chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành quan hệ quốc tế khác.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

66 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức chung: **9** tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **30** tín chỉ
 - + Bắt buộc: 18 tín chỉ
 - + Tự chọn: 12 tín chỉ/33 tín chỉ
- Nghiên cứu khoa học: **27** tín chỉ
 - + Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ
 - + Luận văn thạc sĩ: 15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
I	Khối kiến thức chung		9				
1	PHI5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	55	10	135	
2	Ngoại ngữ B2* (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		5	250	0	0	
	ENG5001	Tiếng Anh B2 <i>English B2</i>	5	250	0	0	
	RUS5001	Tiếng Nga B2 <i>Russian B2</i>	5	250	0	0	
	CHI 5001	Tiếng Trung B2 <i>Chinese B2</i>	5	250	0	0	
	FRE5001	Tiếng Pháp B2 <i>French B2</i>	5	250	0	0	
	WES5001	Tiếng Đức B2 <i>German B2</i>	5	250	0	0	
	OLC5001	Tiếng Nhật B2 <i>Japanese B2</i>	5	250	0	0	
	KOR5001	Tiếng Hàn Quốc B2 <i>Korean B2</i>	5	250	0	0	
	THA5001	Tiếng Thái Lan B2 <i>Thai B2</i>	5	250	0	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		30				
II.1	Các học phần bắt buộc		18				
3	ITS6001	Lí thuyết quan hệ quốc tế <i>International relations theories</i>	3	40	10	100	
4	ITS6120	Phương pháp nghiên cứu quan hệ	3	40	10	100	

* Số tín chỉ của học phần ngoại ngữ B2 được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo nhưng không tính vào điểm trung bình chung tích lũy

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
		quốc tế nâng cao <i>Advanced Methods of International Relations</i>					
5	ITS6009	Quan hệ quốc tế sau Chiến tranh Lạnh <i>International relations after the Cold War</i>	3	40	10	100	
6	ITS6110	Quan hệ đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới <i>Vietnam's international relations since Doi moi</i>	3	40	10	100	
7	ITS6111	An ninh và xung đột trong quan hệ quốc tế <i>Security and conflict in international relations</i>	3	40	10	100	
8	ITS6106	Quan hệ kinh tế quốc tế sau chiến tranh lạnh <i>International economic relations after the Cold War</i>	3	40	10	100	
II.2	Các học phần tự chọn		12/33				
9	ITS6102	Chính trị học so sánh <i>Comparative Politics</i>	3	40	10	100	
10	ITS6025	Hợp tác và hội nhập quốc tế <i>International Cooperation and international integration</i>	3	40	10	100	
11	ITS6104	Hệ thống quốc tế qua các thời kỳ lịch sử <i>International systems through historical periods</i>	3	40	10	100	
12	ITS6107	Luật quốc tế: Những vấn đề sau Chiến tranh Lạnh <i>International Law: The problems after the Cold War</i>	3	40	10	100	
13	ITS6108	Văn hoá trong quan hệ quốc tế <i>Culture in international relations</i>	3	40	10	100	
14	ITS6026	Địa chính trị <i>Geopolitics</i>	3	40	10	100	
15	ITS6117	Sự trỗi dậy của Trung Quốc đầu thế kỷ 21 <i>The rise of China in the beginning of the 21st century</i>	3	40	10	100	
16	ITS6027	Chính sách đối ngoại của Mỹ từ năm 2009 <i>America's Foreign Policy since 2009</i>	3	40	10	100	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết ¹	Thực hành ²	Tự học ³	
17	ITS6119	Kinh tế chính trị quốc tế <i>International Political Economy</i>	3	40	10	100	
18	ITS6121	Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh <i>International Relations in Southeast Asia after the Cold War</i>	3	40	10	100	
19	Ngoại ngữ học thuật (chọn một trong các ngoại ngữ sau)		3				
	ENG6001	Tiếng Anh học thuật <i>Academic English</i>	3	40	10	100	
	CHI6001	Tiếng Trung Quốc học thuật <i>Academic Chinese</i>	3	40	10	100	
III	Nghiên cứu khoa học		27				
III.1	Chuyên đề nghiên cứu		12				
20	SSH6001	Các tiếp cận và phương pháp nghiên cứu trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Approaches and Research methods of Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
21	SSH6002	Các trường phái trong khoa học xã hội và nhân văn <i>The Schools in Social Sciences and Humanities</i>	4	30	15	155	
22	ITS6031	Phân tích sự kiện quốc tế <i>International event analysis</i>	4	30	15	155	
III.2	Luận văn thạc sĩ		15				
23	ITS7202	Luận văn thạc sĩ <i>Master Thesis</i>	15	0	0	750	
Tổng cộng			66				

Lưu ý: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lí thuyết

(2): Thực hành, Thí nghiệm, Thảo luận

(3): Thực tập, Nghiên cứu, Tự học có kiểm tra đánh giá